

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2021

Mẫu số: C53-HD

(Ban hành theo thông tư số 107/2017/TT-BT ngày
10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

Số BB: 5/17

Thời điểm kiểm kê: Ngày Tháng Năm

Ban kiểm kê gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Thu Cúc	Chức vụ: Chủ tịch HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Ban giám hiệu
- Ông: Trần Đình Luân	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Quản trị và Đầu tư
- Ông: Hoàng Việt Dũng	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông: Trần Đình Diệu	Chức vụ: Ủy viên HĐ kiểm kê TS	Đơn vị: Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:
- Ông/bà:	Chức vụ:	Đơn vị:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: Phòng TH: TN Cây trồng (01412), kết quả như sau:

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Mã tài sản mới	Ngày tăng	Vị trí	SLSS	SLTT	Ghi chú
1	Máy trắc địa - Model: DT-209	01402.00.030000.043	394	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 103 - Phòng TH địa lý	1	1	
2	Bộ lắc rây - Model: 59986-78	01402.00.030000.070	400	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chi Giang	1	1	

3	Bộ lắc rây - Model: 59986-78	01402.00.030000.071	401	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	✓	
4	Máy đo độ ẩm bằng hồng ngoại	01402.00.030000.113	408	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	✓	
5	Máy kiểm tra độ ẩm của hạt	01402.00.030000.117	412	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	✓	
6	Máy kiểm tra độ ẩm của hạt	01402.00.030000.118	413	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	✓	

7	Máy kiểm tra độ ẩm của hạt	01402.00.030000.119	414	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	\	
8	Máy phân tích hàm lượng dầu thực vật	01402.00.030000.124	415	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	\	
9	Máy cắt quay chân không	01402.00.030000.131	417	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	\	
10	Máy nghiền cho phân tích - Model: 2900000	01402.00.030000.134	420	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 104 - Phòng TH Chì Giang	1	\	

11	Máy nghiền thực vật khô - Model: 9002600	01402.00.030000.138	422	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	J	
12	Máy nghiền thực vật tươi - Model: 9002500	01402.00.030000.140	424	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	J	
13	Máy đếm khuẩn	01402.00.030000.171	442	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	I	
14	Máy đếm khuẩn	01402.00.030000.172	443	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	I	

15	Máy đếm khuẩn	01402.00.030000.173	444	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	1	
16	Buồng nuôi cấy	01402.00.030000.186	451	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	
17	Tủ âm	01402.00.030000.189	454	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	1	
18	Khúc xạ kế Abbe hiện số	01402.00.030000.214	463	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	1	

19	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.231	480	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	↓	
20	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.232	481	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	↓	
21	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.233	482	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	↓	
22	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.234	483	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	↓	

23	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.235	484	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	✓	
24	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.236	485	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	✓	
25	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.237	486	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	✓	
26	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.238	487	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	✓	

27	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.275	507	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 201 - Phòng thực hành thủy sản 2 A. Đức	1	J	
28	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.276	508	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 201 - Phòng thực hành thủy sản 2 A. Đức	1	↓	
29	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.277	509	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 201 - Phòng thực hành thủy sản 2 A. Đức	1	↓	
30	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.282	514	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THPTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	↓	

31	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.283	515	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	\	
32	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.284	516	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	\	
33	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.285	517	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	\	
34	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.286	518	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1	\	

35	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.288	520	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1		
36	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.289	521	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1		
37	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.290	522	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chị Giang	1		
38	Kính hiển vi quang học 2 mắt	01402.00.030000.291	523	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1		

39	Hệ thống Soxhlet (chiết) 6 chỗ	01402.00.030000.330	536	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	✓	
40	Tủ lạnh khô	01402.00.030000.343	540	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 3 Phòng NL 303 - Kho để đồ	1	✓	
41	Tủ lạnh sâu	01402.00.030000.346	543	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 3 Phòng NL 303 - Kho để đồ	1	✓	
42	Tủ sấy Memmert - Model: UNB400	01402.00.030000.356	546	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	✓	

43	Kính hiển vi điện tử huỳnh quang, Model:	01402.00.030000.360	549	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	/	
44	Cân điện tử 1000 kg	01402.00.030000.610	562	1/1/2007	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	/	
45	Máy tính Lenovo -IBM. Màn hình 18.5 inch	01402.00.030000.729	584	1/1/2012	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	/	
46	Máy đo độ đặc hoa quả Model: 99039-00	01402.00.110000.022	8117	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	2	✓	

47	Ổn áp Lioa 20 KVA	01402.00.110000.200	8122	19/11/2015	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	\	
48	Ổn áp Lioa 20 KVA	01402.00.110000.206	8128	19/11/2015	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	\	
49	Máy khuấy 6 chỗ - Model: Multistirrer 6	01402.00.110000.227	8133	19/11/2015	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	\	
50	Khúc xạ kế cầm tay - Model: H-50	01402.00.110000.233	8139	19/11/2015	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	\	

51	Cân kỹ thuật	01402.00.110000.249	8147	19/11/2015	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	
52	Cân kỹ thuật	01402.00.110000.250	8148	19/11/2015	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	
53	Cân kỹ thuật	01402.00.110000.251	8149	19/11/2015	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	1	1	
54	Bàn giáo viên phòng thí nghiệm	01412.00.120000.002	10347	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	5	5	

55	Bàn thí nghiệm hoá sinh 1	01412.00.120000.003	10348	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	6	6	
56	Tủ sắt đựng hoá chất	01412.00.120000.004	10349	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	2	2	
57	Bảng phóc mê ca	01412.00.120000.005	10350	1/1/2004	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 3 Phòng NL 303 - Kho để đồ	1	1	
58	Tủ sắt đựng hoá chất cửa kính	01412.00.120000.006	10351	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	2	2	

59	Ghế thí nghiệm sinh viên	01412.00.120000.007	10352	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	27	27	
60	Tủ sắt tài liệu 2 cánh	01412.00.120000.008	10353	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 205 - Phòng thực hành C Giang	2	2	
61	Máy đo độ mặn - Model: S-28E	01402.00.110000.015	248	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chi Giang	1	)	
62	Máy khuấy từ kèm bếp đun - Model: ARE	01402.00.110000.013	251	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 1 Phòng NL 105 - Phòng thực hành sinh hoá - Chi Giang	1	)	

63	Máy khuấy từ - Model: AGE	01402.00.110000.012	253	1/1/2006	Cơ sở 2 - Đại học Vinh Tòa D - THTN Cơ sở 2 Tầng 2 Phòng NL 204 - Phòng thực hành chăn nuôi C Hải	1	)	

Nghệ An, ngày Tháng4.. năm2022

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

PHÒNG KH-TC

PHÒNG QT&ĐT

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BỘ PHẬN KIỂM KÊ


Trần Đình Luân


Trần Anh Tuấn


Trần Anh Tuấn

